BVBank
Ngân hàng Bản Việt

BIỂU PHÍ DỊCH VỤ CHUYỂN TIỀN TRONG NƯỚC
Dành cho Khách hàng cá nhân
Hiệu lực áp dụng từ ngày 09/11/2026

Khoản mục phí	Mức phí (chưa bao gồm thuế GTGT)	
	Tài khoản VND	Tài khoản Ngoại tệ
I CHUYỂN TIỀN ĐI		
1 Chuyển tiền đi cùng hệ thống BVBank		
1.1 Trích tài khoản chuyển vào tài khoản	Miễn phí	
1.2 Trích tài khoản VND chuyển đi cho người nhận bằng CMND,Hộ chiếu.		
a Cùng tỉnh/thành phố nơi thực hiện lệnh	0,01%/số tiền chuyển Min: 20.000VND Max: 500.000VND	
b Khác tỉnh/thành phố nơi thực hiện lệnh	0,03%/số tiền chuyển Min: 20.000VND Max: 1.000.000VND	
1.3 Nộp tiền mặt VND chuyển đi cho người nhận bằng CMND, Hộ chiếu		
a Cùng tỉnh/thành phố nơi thực hiện lệnh	0,03%/số tiền chuyển Min: 20.000VND Max: 1.000.000VND	
b Khác tỉnh/thành phố nơi thực hiện lệnh	0,05%/số tiền chuyển Min: 20.000VND Max: 1.000.000VND	
2 Chuyển tiền đi khác hệ thống BVBank		
2.1 Chuyển tiền thông thường		
a Trích tài khoản chuyển vào tài khoản		
i. Cùng tỉnh/thành phố nơi thực hiện lệnh	0,03%/số tiền chuyển Min: 20.000VND Max: 1.000.000VND	0,03%/số tiền chuyển Min: 1USD Max: 50USD
ii. Khác tỉnh/thành phố nơi thực hiện lệnh	0,05%/số tiền chuyển Min: 20.000VND Max: 1.000.000VND	0,05%/số tiền chuyển Min: 2USD Max: 50USD
b Nộp tiền mặt trực tiếp chuyển đi cho người thụ hưởng tại ngân hàng khác		
i. Cùng tỉnh/thành phố nơi thực hiện lệnh	0,05%/số tiền chuyển Min: 20.000VND Max: 1.500.000VND	- Tài khoản USD mệnh giá 50USD trở lên: 0,20% + Loại mệnh giá 5-20USD: 0,4% + Loại mệnh giá 1USD: 0,5% Min: 5USD - Ngoại tệ khác: 0,5% Min: 5USD
ii. Khác tỉnh/thành phố nơi thực hiện lệnh	0,06%/số tiền chuyển Min: 30.000VND Max: 1.500.000VND	
2.2 Chuyển tiền nhanh Napas 24/7		
a Số tiền chuyển ≤ 500.000VND	2.000VND/số tiền chuyển	
b Số tiền chuyển > 500.000VND	0,03%/số tiền chuyển Min: 20.000VND	
3 Chuyển tiền thu hộ Ngân sách nhà nước		
3.1 Hình thức chuyển khoản		
a Trong hệ thống	Miễn phí	
b Ngoài hệ thống		
i. Số tiền chuyển < 500.000.000VND	0,03%/số tiền chuyển Min: 10.000VND Max: 1.000.000VND	
ii. Số tiền chuyển ≥ 500.000.000VND	0,04%/số tiền chuyển Min: 20.000VND Max: 1.500.000VND	
3.2 Hình thức tiền mặt		
a Trong hệ thống	Miễn phí	
b Ngoài hệ thống		
i. Số tiền chuyển < 500.000.000VND	0,04%/số tiền chuyển Min: 10.000VND Max: 1.000.000VND	
ii. Số tiền chuyển ≥ 500.000.000VND	0,05%/số tiền chuyển Min: 20.000VND Max: 1.000.000VND	
4 Chuyển tiền khác	Theo thỏa thuận	
5 Chuyển tiền theo danh sách		
5.1 Trong hệ thống	3.000VND/món	
5.2 Ngoài hệ thống		
Lưu ý: Chưa bao gồm phí chuyển tiền trong và ngoài hệ thống		

BVBank
Ngân hàng Bản Việt

BIỂU PHÍ DỊCH VỤ CHUYỂN TIỀN TRONG NƯỚC
Dành cho Khách hàng cá nhân
Hiệu lực áp dụng từ ngày 09/11/2026

	Khoản mục phí	Mức phí (chưa bao gồm thuế GTGT)	
		Tài khoản VND	Tài khoản Ngoại tệ
II	**NHẬN CHUYỂN ĐẾN**		
1	**Nhận đến vào tài khoản của KH tại Ngân hàng**		
2	**Nhận tiền bằng CMND/Hộ chiếu**		
2.1	Từ các đơn vị trong cùng hệ thống BVBank	Miễn phí	
2.2	Từ Ngân hàng khác hệ thống trong nước chuyển đến	0,03%/số tiền nhận Min: 20.000VND Max: 1.000.000VND	
2.3	Từ Ngân hàng khác hệ thống trong nước chuyển đến dưới hình thức MT103/pacs008		
a	Phí OUR/DEBT		- Dưới 10.000USD: 11USD/món - Từ 10.000USD đến 50.000USD: 22USD/món - Trên 50.000USD: 33USD/món
b	Phí BENF/CRED hoặc SHA/SHAR		16.5 USD/món
III	**TU CHỈNH, TRA SOÁT, THOÁI HÓI**		
1	**Tu chỉnh, tra soát, thoái hối lệnh chuyển tiền**		
1.1	Cùng hệ thống	20.000VND/món/lần	5.5USD/EUR/ngoại tệ tương đương/món/lần + phí ngân hàng chuyển (nếu có)
1.2	Khác hệ thống	30.000VND/món/lần	
2	**Tra soát lệnh chuyển tiền đến theo yêu cầu KH**	20.000VND/món/lần	